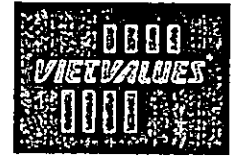


Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)  
Công ty Thành viên của Reanda International  
Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.  
Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 321B-C Đào Duy Anh, P.9, Q. Phú Nhuận, HCM.  
Tel: +84 (8) 3 999 00 91~97 | Fax: + 84 (8) 3 999 00 90  
Email: [info@vietvalues.com](mailto:info@vietvalues.com) | Website: [www.vietvalues.com](http://www.vietvalues.com)



Mang tri thức phục vụ khách hàng

**CÔNG VĂN ĐẾN**  
Số: 712 ngày 05/4/12

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN

## CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

### CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ BẮC



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt  
(VIETVALUES)  
Công ty Thành viên của Reanda International

## MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	02 - 04
2. Báo cáo kiểm toán	05
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	06 - 07
4. Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	08
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	09
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	10 - 32

---

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Trà Bắc (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán của Công ty.

### 1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Trà Bắc (tên giao dịch là: Tra Bac Joint Stock Corporation; tên viết tắt là: TRABACO) (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2509/QĐ-UB ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh. Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2100266310 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp ngày 27 tháng 04 năm 2006 và đã điều chỉnh lần 07 ngày 01 tháng 06 năm 2011 về bổ sung vốn điều lệ.

Vốn điều lệ : 63.356.030.000 đồng.

### 2. Trụ sở chính hoạt động

#### ▪ Trụ sở chính

Địa chỉ : 216 Bạch Đằng, phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Điện thoại : +84 (74) – 3852 523 – 3852 561

Fax : +84 (74) – 3854 857

Mã số thuế : 2100266310

#### ▪ Xí nghiệp Phú Vinh

Địa chỉ : Khu phố 6, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Điện thoại : +84 (74) – 3882 035 – 3885 059

Fax : +84 (74) – 3883 483

#### ▪ Xí nghiệp Đức Mỹ

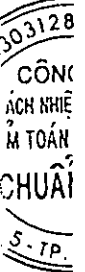
Địa chỉ : Ấp Mỹ Hiệp, xã Đức Mỹ, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Điện thoại : +84 (74) – 3589 002

Fax : +84 (74) – 3589 094

### 3. Ngành nghề hoạt động

- Thu mua và chế biến các sản phẩm từ trái dừa;
- Sản xuất sản phẩm từ gỗ; sản xuất từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện;
- Sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm: than hoạt tính, xơ dừa, thềm xơ dừa, cơm dừa sấy khô và các sản phẩm khác;



- Nhập khẩu các thiết bị, máy móc, vật tư, nguyên phụ liệu sản xuất, chế biến;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị tàu thủy. Kinh doanh vật tư, thiết bị cơ khí và đóng tàu. Sửa chữa, đóng mới tàu thủy, xà lan.

#### **4. Hội đồng Quản trị và ban Tổng Giám đốc**

##### **4.1. Hội đồng quản trị**

Hội đồng Quản trị của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức vụ
Ông Huỳnh Khắc Nhu	Chủ tịch
Ông Lâm Chấn Kỳ	Phó Chủ tịch
Ông Hồ Quang Khải	Thành viên
Ông Hồ San Nin	Thành viên

##### **4.2. Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức vụ
Bà Hồ Thị Á	Trưởng ban
Ông Tô Kim Nở	Thành viên
Ông Đặng Anh Tuấn	Thành viên

##### **4.3. Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức vụ
Ông Huỳnh Khắc Nhu	Tổng Giám đốc
Ông Hồ Quang Khải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Minh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Kinh Luân	Kế toán trưởng

#### **5. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 06 đến trang 32.

#### **6. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ**

Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

## 7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

## 8. Xác nhận của Hội đồng Quản trị

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cho rằng không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên Báo cáo tài chính của Công ty. Không một thành viên nào của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc có bất cứ khoản lợi nào từ một hợp đồng được ký kết với các công ty hay các bên liên quan.

## 9. Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi, các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt các Báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Trà Vinh, ngày 29 tháng 03 năm 2013.

TM. Hội đồng Quản trị

---

HUỶNH KHẮC NHU  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)

Công ty Thành viên của Reanda International

Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM

Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 321 B-C Đào Duy Anh, phường 9, Q. Phú Nhuận, HCM

Tel 84 (8) 3999 00 91~97

Fax: +84 (8) 3 999 00 90

Email: info@vietvalues.com

Website: www.vietvalues.com



REANDA

Số: 2169/13/BCKT/AUD-VVALUES

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

### VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

#### CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ BẮC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012 bao gồm Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được lập ngày 29 tháng 03 năm 2013 (từ trang 06 đến trang 32) của Công ty Cổ phần Trà Bắc (sau đây gọi tắt là "công ty").

Việc lập và trình bày số liệu trên Báo cáo tài chính thuộc về Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là trình bày ý kiến của mình về Báo cáo tài chính dựa trên công việc kiểm toán.

#### Cơ sở kiểm toán

Chúng tôi thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và tiến hành công việc kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

#### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Trà Bắc tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty Cổ phần Trà Bắc được lập phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2013.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - VIETVALUES



Ths. Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ KTV số: 1512/KTV  
Chữ ký được ủy quyền

Trần Văn Hiệp - Kiểm toán viên  
Chứng chỉ KTV số: 2141/KTV

#### Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ BẮC**

Địa chỉ: 216 Bạch Đằng, phường 4, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

DVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>100.258.459.977</b>	<b>98.985.372.664</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5.1	11.394.957.464	7.738.074.641
111	1. Tiền		11.394.957.464	7.738.074.641
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		642.410.000	642.410.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn	5.2	642.410.000	642.410.000
129	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		25.649.566.991	40.627.790.929
131	1. Phải thu của khách hàng	5.3	24.126.697.146	30.204.777.562
132	2. Trả trước cho người bán	5.4	1.580.657.045	10.342.261.461
133	3. Phải thu nội bộ		-	-
138	4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác		55.890.000	80.751.906
139	5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)		(113.677.200)	-
140	IV. Hàng tồn kho	5.5	54.137.104.625	38.816.603.188
141	1. Hàng tồn kho		57.771.919.621	39.327.485.155
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(3.634.814.996)	(510.881.967)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		8.434.420.897	11.160.493.906
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	5.6	203.039.085	319.910.631
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		472.909.749	3.683.916.264
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		22.406.053	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	5.7	7.736.066.010	7.156.667.011
200	<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>45.219.295.373</b>	<b>47.845.312.635</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		44.915.580.421	47.691.717.035
221	1. Tài sản cố định hữu hình	5.8	40.952.631.789	41.363.262.958
222	- Nguyên giá		79.285.267.627	71.796.413.282
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(38.332.635.838)	(30.433.150.324)
227	2. Tài sản cố định vô hình	5.9	3.676.359.212	3.452.271.905
228	- Nguyên giá		4.068.920.228	3.753.807.838
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(392.561.016)	(301.535.933)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	5.10	286.589.420	2.876.182.172
240	III. Bất động sản đầu tư		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		303.714.952	153.595.600
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	5.11	250.102.722	127.105.122
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	5.12	53.612.230	26.490.478
268	3. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>145.477.755.350</b>	<b>146.830.685.299</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ BẮC**

Địa chỉ: 216 Bạch Đằng, phường 4, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b>		58.307.477.346	51.286.854.451
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		58.307.477.346	51.033.078.308
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	5.13	47.319.309.019	38.609.209.862
312	2. Phải trả người bán	5.14	2.248.412.587	6.392.800.217
313	3. Người mua trả tiền trước	5.15	2.621.107.096	693.455.679
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.16	199.171.581	1.357.583.333
315	5. Phải trả người lao động		866.677.002	1.044.337.821
316	6. Chi phí phải trả	5.17	4.266.378.674	2.231.988.274
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	5.18	444.475.143	484.878.820
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		341.946.244	218.824.302
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		-	253.776.143
336	1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	253.776.143
337	2. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
400	<b>B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		87.170.278.004	95.543.830.848
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	5.19	87.170.278.004	95.543.830.848
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		63.356.030.000	63.356.030.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.368.170.000	1.368.170.000
416	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		11.847.614.438	9.191.495.455
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		3.248.691.981	2.513.783.838
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		7.349.771.585	19.114.351.555
430	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		-	-
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		145.477.755.350	146.830.685.299

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

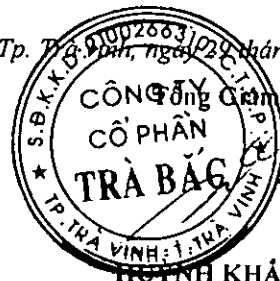
Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
2. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
3. Ngoại tệ các loại	5.1.2	123.965,61	20.457,93

Người lập biểu

Kế toán trưởng

*Ngô Kinh Luân*  
NGÔ KINH LUÂN

Tp. Trà Vinh, ngày 29 tháng 03 năm 2013.



HỒNH KHÁC NHU



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ BẮC**

Địa chỉ: 216 Bạch Đằng, phường 4, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		323.736.700.573	294.735.766.890
03	2. Các khoản giảm trừ		1.697.397.047	1.290.989.246
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.1	322.039.303.526	293.444.777.644
11	4. Giá vốn hàng bán	6.2	288.448.205.196	254.732.453.115
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		33.591.098.330	38.712.324.529
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	6.3	339.610.049	2.198.003.226
22	7. Chi phí tài chính	6.4	4.106.218.789	2.459.446.988
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		3.812.499.272	2.001.037.224
24	8. Chi phí bán hàng	6.5	17.638.465.159	12.901.525.362
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.6	6.671.655.940	7.060.257.506
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.514.368.491	18.489.097.899
31	11. Thu nhập khác	6.7	445.134.821	166.127.697
32	12. Chi phí khác	6.8	124.117.605	115.897.442
40	13. Lợi nhuận khác		321.017.216	50.230.255
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.835.385.707	18.539.328.154
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.9	428.598.317	1.346.329.520
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	6.10	(27.121.752)	(5.490.478)
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		5.433.909.142	17.198.489.112
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.11	858	2.831

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tp. Trà Vinh, ngày 29 tháng 03 năm 2013.

Giám Đốc

NGÔ KINH LÂN

HUYNH KHÁC NHU

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ BẮC**

Địa chỉ: 216 Bạch Đằng, phường 4, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

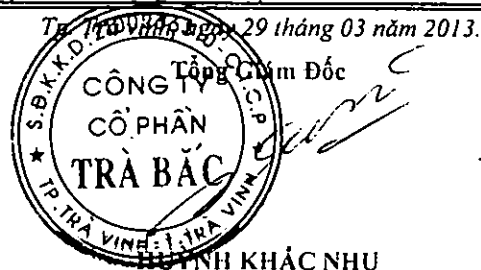
ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		5.835.385.707	18.539.328.154
	2. Điều chỉnh các khoản		15.143.984.831	9.866.160.186
02	- Khấu hao tài sản cố định		8.142.983.346	7.713.897.802
03	- Các khoản dự phòng		3.237.610.229	256.554.900
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		16.199.179	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(65.307.195)	(105.329.740)
06	- Chi phí lãi vay		3.812.499.272	2.001.037.224
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		20.979.370.538	28.405.488.340
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		17.410.465.960	(25.412.662.817)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(18.444.434.466)	(9.329.165.924)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(2.214.074.769)	171.759.034
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(6.126.054)	(212.877.638)
13	- Tiền lãi vay đã trả		(3.812.499.272)	(2.001.037.224)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(1.083.278.626)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
16	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(1.646.694.344)	(1.224.874.590)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		12.266.007.593	(10.686.649.445)
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(5.406.994.082)	(7.769.895.050)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		105.454.545	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(67.410.000)
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		-	105.329.740
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(5.301.539.537)	(7.731.975.310)
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	5.226.270.000
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		232.036.905.738	171.054.501.499
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(223.306.845.271)	(157.275.829.872)
35	5. Tiền trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(12.037.645.700)	(10.886.740.347)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(3.307.585.233)	8.118.201.280
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		3.656.882.823	(10.300.423.475)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		7.738.074.641	18.038.498.116
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	5.1	11.394.957.464	7.738.074.641

Người lập biểu

Kế toán trưởng

NGÔ KINH LUÂN



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** **Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Trà Bắc (tên giao dịch là: TraBac Joint Stock Corporation; tên viết tắt là: TRABACO) (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2509/QĐ-UB ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh. Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

#### **1.2. Lĩnh vực kinh doanh:**

Sản xuất.

#### **1.3. Ngành nghề kinh doanh**

- Thu mua và chế biến các sản phẩm từ trái dừa;
- Sản xuất sản phẩm từ gỗ; sản xuất từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tẻ bện;
- Sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm: than hoạt tính, xơ dừa, thảm xơ dừa, cơm dừa sấy khô và các sản phẩm khác;
- Nhập khẩu các thiết bị, máy móc, vật tư, nguyên phụ liệu sản xuất, chế biến;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị tàu thủy. Kinh doanh vật tư, thiết bị cơ khí và đóng tàu. Sửa chữa, đóng mới tàu thủy, xà lan.

### **2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **2.1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác**

- Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VNĐ).
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được xử lý theo 179/2012/TT-BTC – Quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp.
- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: được áp dụng theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Vào cuối kỳ kế toán các số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển có gốc ngoại tệ được điều chỉnh lại theo hướng dẫn của thông tư 179/2012/TT-BTC.
- Tỷ giá hạch toán ngày 31 tháng 12 năm 2012 là: 20.812 VNĐ/USD.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ BẮC**

Địa chỉ: 216 Bạch Đằng, phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

### **3. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **3.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Luật Kế toán, Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006; thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 và các thông tư, hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

#### **3.2. Cam kết kế toán**

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Trà Bắc cam kết tuân thủ đúng Luật kế toán, Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành trong hệ thống kế toán và báo cáo kế toán do Nhà nước Việt Nam quy định.

#### **3.3. Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.**

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **4.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền**

- Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển.
- Các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

#### **4.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại, phải thu khác**

- Nguyên tắc ghi nhận: các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.
- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

#### **4.3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho**

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: theo nguyên tắc giá gốc;
- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền;
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên;
- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: vào thời điểm khóa sổ Công ty tổ chức đánh giá lại hàng tồn kho và trích lập trên cơ sở chênh lệch lớn hơn của giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ BẮC**

Địa chỉ: 216 Bạch Đằng, phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

### **4.4. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

#### **▪ Nguyên tắc đánh giá:**

Tài sản cố định được xác định theo nguyên giá trừ (-) giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được tính vào giá trị tài sản cố định và những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khi tài sản bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi/(lỗ) nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **▪ Phương pháp khấu hao áp dụng:**

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài Chính.

#### **▪ Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản cố định:**

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 16 năm
+ Máy móc thiết bị	06 – 07 năm
+ Phương tiện vận tải	03 - 07 năm
+ Thiết bị và dụng cụ quản lý	02 - 03 năm
+ Phần mềm máy tính	03 năm

### **4.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

- Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát: được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: được ghi nhận theo giá gốc.

### **4.6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

- Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.
- Chi phí đi vay được vốn hóa khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai cho việc sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay được xác định một cách đáng tin cậy.

### **4.7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác**

- Chi phí trả trước: chủ yếu là những chi phí công cụ dụng cụ, đồ dùng văn phòng, nhà xưởng, được phân bổ dần vào chi phí kết quả kinh doanh trong kỳ, và thời gian phân bổ căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính mà tài sản đó mang lại lợi ích kinh tế.
- Phương pháp phân bổ: Theo phương pháp đường thẳng.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ BẮC**

Địa chỉ: 216 Bạch Đằng, phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

### **4.8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận chủ yếu là các khoản doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ phải trả và được ước tính đáng tin cậy.

### **4.9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

- Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận là giá trị được ước tính hợp lý về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Phương pháp ghi nhận: Khoản dự phòng phải trả được lập thêm (hoặc hoàn nhập) theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với dự phòng phải trả đã lập năm trước chưa sử dụng đang ghi trên sổ kế toán.

### **4.10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: là số vốn thực góp của chủ sở hữu;
- Thặng dư vốn cổ phần: là số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu ở các công ty cổ phần khi phát hành cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ;
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của năm trước;
- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Theo điều lệ Công ty.

### **4.11. Doanh thu và chi phí**

- Doanh thu được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:
  - Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; và xác định được phần công việc đã hoàn thành;
  - Không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
  - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
  - Đã thụ được hoặc sẽ thụ được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ;
  - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.
- Doanh thu tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn:
  - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
  - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Chi phí thực tế phát sinh được ghi nhận phù hợp với doanh thu và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ BẮC**

Địa chỉ: 216 Bạch Đằng, phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**4.12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không có bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**4.13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

▪ **Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

▪ **Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

**4.14. Tài sản tài chính**

*Phân loại tài sản tài chính*

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ BẮC**

Địa chỉ: 216 Bạch Đằng, phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

### *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

### *Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

## **4.15. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

### *Nợ phải trả tài chính*

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

### *Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

### *Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị



## **CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ BẮC**

Địa chỉ: 216 Bạch Đằng, phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

### **Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính**

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

### **Công cụ vốn chủ sở hữu**

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

### **Công cụ tài chính phức hợp**

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

## **4.16. Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

## **4.17. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## **4.18. Nghĩa vụ tài chính**

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước Việt Nam:

- Thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp:
- Công ty được miễn thuế 2 năm đầu tiên bắt đầu từ năm 2006 và được miễn giảm 50% cho 5 năm tiếp theo.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ BẮC**

Địa chỉ: 216 Bạch Đằng, phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

- Thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 20% thu nhập chịu thuế (thực hiện trong 10 năm kể từ năm 2006), và 25% cho các năm tiếp theo.

Năm 2012, Công ty được hưởng ưu đãi về thuế TNDN theo thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 08 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn Nghị định 60/2012/NĐ-CP do Chính Phủ ban hành ngày 30 tháng 07 năm 2012: giảm 30% thuế TNDN năm 2012 (do Công ty thỏa điều kiện doanh nghiệp vừa và nhỏ có tổng số lao động bình quân nhỏ hơn 300 lao động theo Điều 3, Nghị định 56/200/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 30 tháng 06 năm 2009).

- Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

## 5. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)

### 5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Mã số	Chi tiêu	Cuối năm	Đầu năm
5.1.1	Tiền mặt	643.468.360	1.220.231.937
5.1.2	Tiền gửi ngân hàng	10.751.489.104	6.517.842.704
<b>Tổng cộng</b>		<b>11.394.957.464</b>	<b>7.738.074.641</b>

### 5.1.2 Tiền gửi ngân hàng

Chi tiết số tiền gửi ngân hàng gồm:

STT	Tên ngân hàng	Cuối năm	Đầu năm
1	Ngân hàng Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Trà Vinh	5.744.004.136 2.549.215.039 (#122.393,65 USD)	5.849.147.280 215.246.566 (#10,334.28 USD)
2	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Càng Long	358.656.858	51.684.263
3	Ngân hàng Sài Gòn Thương tín – Chi nhánh Trà Vinh	28.081.508 113.930 (#5,47 USD)	27.879.677 563.055 (# 29,89 USD)
4	Ngân hàng TMCP Á Châu	5.340.985 1.977.410 (#94,94 USD)	127.915.064 210.232.833 (#10.093,76 USD)
5	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Trà Vinh	4.438.694	4.438.694
6	Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Trà Vinh	2.014.053.970 30.649.471 (# 1.471,55 USD)	16.037.712
7	Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Trà Vinh	13.869.946	13.583.511
8	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Trà Vinh	1.087.157	1.114.049
<b>Cộng</b>		<b>10.751.489.104</b> (#USD 123.965,61)	<b>6.517.842.704</b> (#USD 20.457,93)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ BẮC**

Địa chỉ: 216 Bạch Đằng, phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**5.2. Đầu tư ngắn hạn khác**

Là tiền mua cổ phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, mã chứng khoán là CTG (số lượng cổ phiếu 52.420 cổ phiếu – mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu).

**5.3. Phải thu của khách hàng**

Chủ yếu là phải thu tiền bán hàng trong và ngoài nước.

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vạn Thành	2.414.126.098	3.277.517.203
- Công ty TNHH Meiwa	5.701.641.000 (#273.460 USD)	3.550.132.600 (#170.450 USD)
- Công ty Cổ phần Trayal	2.855.358.000 (#136.620 USD)	-
- Công ty TNHH Mitsubishi	1.408.209.000 (#67.540 USD)	-
- Cty TNHH Giống rau quả	1.269.885.000	-
- Các đối tượng khác	10.477.478.048	23.377.127.759
<b>Cộng</b>	<b>24.126.697.146</b>	<b>30.204.777.562</b>

**5.4. Trả trước cho người bán**

Chủ yếu là khoản phải trả tiền mua trái dừa, sản phẩm từ dừa của người bán.

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- DNTN Than gáo dừa Bảy Khuynh	560.757.045	812.854.415
- DNTN Nguyễn Phương	540.000.000	540.000.000
- Các đối tượng khác	479.900.000	8.989.407.046
<b>Cộng</b>	<b>1.580.657.045</b>	<b>10.342.261.461</b>

**5.5. Hàng tồn kho**

Mã số	Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
5.5.1	Nguyên liệu, vật liệu	29.975.311.391	18.034.368.932
5.5.2	Công cụ, dụng cụ	257.506.397	390.946.249
5.5.3	Chi phí sản xuất dở dang	4.489.450.000	4.651.850.000
5.5.4	Thành phẩm	23.049.651.833	16.234.999.187
5.5.5	Hàng hóa	-	15.320.787
5.5.5	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.634.814.996)	(510.881.967)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>		<b>54.137.104.625</b>	<b>38.816.603.188</b>

**5.5.1 Nguyên vật liệu**

Chủ yếu là than gáo dừa phục vụ cho sản xuất than hoạt tính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ BẮC**

Địa chỉ: 216 Bạch Đằng, phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**5.5.4 Thành phẩm**

Thành phẩm chủ yếu là than hoạt tính.

**5.6. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	319.910.631	176.585.315
- Tăng trong kỳ	414.585.323	651.354.821
- Phân bổ trong kỳ	(531.456.869)	(508.029.505)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>203.039.085</b>	<b>319.910.631</b>

**5.7. Tài sản ngắn hạn khác**

Chủ yếu là khoản tạm ứng của nhân viên công ty mua nguyên vật liệu.

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- Xí nghiệp Rạch Lợp (trực thuộc)	5.028.200.243	4.929.906.787
- Nguyễn Văn Huán	2.027.403.700	1.851.223.472
- Tô Kim Nở	75.595.830	75.595.830
- Các đối tượng khác	604.866.237	299.940.922
<b>Cộng</b>	<b>7.736.066.010</b>	<b>7.156.667.011</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ BẮC**

Địa chỉ: 216 Bạch Đằng, phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**5.8. Tài sản cố định hữu hình**

Chi tiết tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình như sau:

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
1. Số dư đầu năm	30.967.173.193	39.063.577.018	1.526.962.915	238.700.156	71.796.413.282
2. Tăng trong năm	5.952.043.385	1.785.609.820	630.520.000	21.000.000	8.389.173.205
- Mua sắm trong năm	-	676.097.264	255.090.909	-	931.188.173
- Xây dựng cơ bản hoàn thành	5.952.043.385	1.109.512.556	375.429.091	21.000.000	7.457.985.032
3. Giảm trong năm	579.347.436	209.608.404	111.363.020	-	900.318.860
4. Số dư cuối năm	36.339.869.142	40.639.578.434	2.046.119.895	259.700.156	79.285.267.627
<b>II. Giá trị hao mòn</b>					
1. Số dư đầu năm	10.876.169.036	18.225.485.283	1.147.246.635	184.249.370	30.433.150.324
2. Tăng trong năm	3.037.647.000	4.798.134.912	696.544.370	33.206.113	8.565.532.395
- Khấu hao trong năm	3.037.647.000	4.798.134.912	696.544.370	33.206.113	8.565.532.395
3. Giảm trong năm	499.441.057	58.249.604	108.356.220	-	666.046.881
4. Số dư cuối năm	13.414.374.979	22.965.370.591	1.735.434.785	217.455.483	38.332.635.838
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
1. Tại ngày đầu năm	20.091.004.157	20.838.091.735	379.716.280	54.450.786	41.363.262.958
2. Tại ngày cuối năm	22.925.494.163	17.674.207.843	310.685.110	42.244.673	40.952.631.789

Trong đó :

- Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng còn sử dụng là 6.679.232.085 đồng.
- Giá trị còn lại của tài sản cố định dùng để thế chấp là 16.140.240.402 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ BẮC**

Địa chỉ: 216 Bạch Đằng, phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**5.9. Tài sản cố định vô hình**

Là quyền sử dụng đất tại Khóm 6, thị trấn Càng Long, tỉnh Trà Vinh (diện tích 1.150,5 m<sup>2</sup>); Khóm 5 thị trấn Càng Long, tỉnh Trà Vinh (diện tích 2.509 m<sup>2</sup>); phường 4 TX Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh (diện tích 7.736,6 m<sup>2</sup>); ấp Chợ xã Tân Hùng, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (diện tích 20.820 m<sup>2</sup>) và quyền sử dụng đất tại Xí nghiệp Rạch Lộp.

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>			
1. Số dư đầu năm	3.693.945.938	59.861.900	3.753.807.838
2. Tăng trong năm	315.112.390	-	315.112.390
3. Giảm trong năm	-	-	-
4. Số dư cuối năm	4.009.058.328	59.861.900	4.068.920.228
<b>II. Giá trị hao mòn</b>			
1. Số dư đầu năm	251.611.103	49.924.830	301.535.933
2. Tăng trong năm	81.088.013	9.937.070	91.025.083
- Khấu hao trong năm	81.088.013	9.937.070	91.025.083
3. Giảm trong năm	-	-	-
4. Số dư cuối năm	332.699.116	59.861.900	392.561.016
<b>III. Giá trị còn lại</b>			
1. Tại ngày đầu năm	3.442.334.835	9.937.070	3.452.271.905
2. Tại ngày cuối năm	3.676.359.212	-	3.676.359.212

Trong đó: Giá trị còn lại của tài sản cố định dùng để thế chấp là 3.248.755.111 đồng.

**5.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- Ctrình trạm biến áp 250kva đến 400kva Đức Mỹ	104.566.658	-
- Hệ thống xử lý làm mềm nước	61.996.171	61.996.171
- Các công trình khác	120.026.591	2.814.186.001
<b>Cộng</b>	<b>286.589.420</b>	<b>2.876.182.172</b>

**5.11. Chi phí trả trước dài hạn**

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	127.105.122	57.552.800
- Tăng trong kỳ	188.805.786	114.449.782
- Phân bổ trong kỳ	(65.808.186)	(44.897.460)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>250.102.722</b>	<b>127.105.122</b>

**5.12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Chủ yếu phát sinh từ khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Chi tiết gồm:

Các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	Số tiền	Thuế suất thuế TNDN	Tài sản thuế TNDN hoãn lại
- Chi phí trích trước	536.122.304	20%*50%	53.612.230

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ BẮC**

Địa chỉ: 216 Bạch Đằng, phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**5.13. Vay và nợ ngắn hạn**

Chi tiết:	Cuối năm	Đầu năm
- Ngân hàng Công Thương Việt Nam- Chi nhánh Trà Vinh (1)	25.654.226.495 14.081.680.891 (#676.516,02 USD)	38.599.409.862 -
- Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam- Chi nhánh Trà Vinh (2)	4.628.341.578 2.945.260.055 (#141.497 USD)	- -
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam- Chi nhánh Trà Vinh	9.800.000	9.800.000
<b>Cộng</b>	<b>47.319.309.019</b>	<b>38.609.209.862</b>

(1) Hợp đồng vay số 575/NHCTTV ngày 21 tháng 06 năm 2012.

Mục đích vay : bổ sung vốn lưu động.

Lãi suất : theo từng lần nhận nợ.

Tài sản thế chấp gồm : Quyền sử dụng đất diện tích 20.820 m<sup>2</sup> tại Xí nghiệp Rạch Lọt, Tiểu Cần, Trà Vinh. Quyền sử dụng đất diện tích 3.608,6 m<sup>2</sup> tại Xí nghiệp Phú Vinh, Càng Long, Trà Vinh. Quyền sử dụng đất diện tích 32.609,4 m<sup>2</sup> tại Văn phòng Công ty số 126 Bạch Đằng, Trà Vinh. Văn phòng, nhà xưởng, máy móc thiết bị tại văn phòng công ty, Xí nghiệp Rạch Lọt và 2 dây chuyền sản xuất thảm tại Xí nghiệp Phú Vinh.

(2) Hợp đồng vay số 93/NHNT.TV.12 ngày 26 tháng 04 năm 2012.

Mục đích vay : bổ sung vốn lưu động.

Lãi suất: : theo từng lần nhận nợ.

Tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất diện tích 3.542,6 m<sup>2</sup>, thửa đất số 13, tờ bản đồ số 8 tại ấp Long Bình, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Máy cắt kim loại, máy chấn kim loại, máy cuốn kim loại. Hệ thống đường dây trung thế và trạm biến thế 560KVA thuộc dự án đầu tư nhà máy cơ khí tàu thủy Trà Vinh.

**5.14. Phải trả cho người bán**

Chủ yếu là phải trả mua nguyên liệu, vật liệu sản xuất.

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- Công ty TNHH Xây dựng Lê Quang	618.689.851	-
- Cơ sở Tư nhân Vĩnh Hòa	463.009.504	-
- Các đối tượng khác	1.166.713.232	6.392.800.217
<b>Cộng</b>	<b>2.248.412.587</b>	<b>6.392.800.217</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ BẮC**

Địa chỉ: 216 Bạch Đằng, phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**5.15. Người mua trả tiền trước**

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- Công ty TNHH Dong fang HUALI	2.000.000.000	-
- Công ty TNHH Jinnq Yaanq Enterprise	221.240.600	-
- Các đối tượng khác	399.866.496	693.455.679
<b>Cộng</b>	<b>2.621.107.096</b>	<b>693.455.679</b>

**5.16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	93.355.936	1.348.153.132
- Các loại thuế khác	105.815.645	9.430.201
<b>Cộng</b>	<b>199.171.581</b>	<b>1.357.583.333</b>

**5.17. Chi phí phải trả**

Chủ yếu là chi phí trích trước sửa chữa lớn tài sản cố định.

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- Trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ Lò 3	1.480.364.009	760.364.009
- Trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ Lò 2	1.176.703.498	740.000.000
- Trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ Lò 1	960.000.000	240.000.000
- Chi phí khác	649.311.167	491.624.265
<b>Cộng</b>	<b>4.266.378.674</b>	<b>2.231.988.274</b>

**5.18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
Ban quản lý dự án lò 1	139.876.148	139.876.148
Đề tài nôi hơi đốt trấu	187.649.199	316.649.199
Các đối tượng khác	116.949.796	28.353.473
<b>Cộng</b>	<b>444.475.143</b>	<b>484.878.820</b>



## 5.19. Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
A.	1	2	3	4	5	6	7
Số dư đầu năm trước	58.129.760.000	1.368.170.000	(1.253.848.061)	5.733.884.845	1.649.381.185	18.965.574.350	84.592.922.319
Tăng trong năm trước	5.226.270.000	-	1.253.848.061	3.457.610.610	864.402.653	17.198.489.112	28.000.620.436
Giảm trong năm trước	-	-	-	-	-	17.049.711.907	17.049.711.907
Số dư cuối năm trước, số dư đầu năm nay	63.356.030.000	1.368.170.000	-	9.191.495.455	2.513.783.838	19.114.351.555	95.543.830.848
Tăng trong năm nay	-	-	-	2.656.118.983	734.908.143	5.433.909.142	8.824.936.268
- Tăng từ lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	5.433.909.142	5.433.909.142
- Tăng từ lãi trong năm trước	-	-	-	2.656.118.983	734.908.143	-	3.391.027.126
- Giảm trong năm	-	-	-	-	-	17.198.489.112	17.198.489.112
Số dư cuối năm nay	63.356.030.000	1.368.170.000	-	11.847.614.438	3.248.691.981	7.349.771.585	87.170.278.004

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ BẮC**

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

- Chi tiết vốn chủ sở hữu gồm:

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Tỷ lệ	Cuối năm	Đầu năm
- Vốn góp của cổ đông Nhà nước	45,67%	28.938.000.000	28.938.000.000
- Vốn góp của các cổ đông khác	60,72%	34.418.030.000	34.418.030.000
<b>Cộng</b>	<b>100,00%</b>	<b>63.356.030.000</b>	<b>63.356.030.000</b>

<b>b. Cổ phiếu</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.335.603	6.335.603
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.335.603	6.335.603
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.335.603	6.335.603
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.335.603	6.335.603
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.335.603	6.335.603
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu (đ/cp)	10.000	10.000

- Chi tiết lợi nhuận chưa phân phối gồm

Số dư đầu năm	19.114.351.555
Tăng từ kết quả kinh doanh	5.433.909.142
Giảm trong năm	(17.198.489.112)
- <i>Trích Quỹ đầu tư phát triển</i>	(2.656.118.983)
- <i>Trích Quỹ dự phòng tài chính</i>	(734.908.143)
- <i>Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	(1.469.816.286)
- <i>Trích Quỹ khen thưởng ban điều hành</i>	(300.000.000)
- <i>Cổ tức cho cổ đông</i>	(12.037.645.700)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>7.349.771.585</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ BẮC**

Địa chỉ: 216 Bạch Đằng, phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VNĐ)****6.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Là doanh thu bán than hoạt tính, sản phẩm từ cây dừa.

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Than hoạt tính, than nguyên liệu	129.079.931.731	130.632.066.094
- Sản phẩm từ trái dừa	192.959.371.795	162.812.711.550
<b>Cộng</b>	<b>322.039.303.526</b>	<b>293.444.777.644</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Than hoạt tính, than nguyên liệu	120.110.920.091	105.108.690.830
- Sản phẩm từ trái dừa	168.337.285.105	149.623.762.285
<b>Cộng</b>	<b>288.448.205.196</b>	<b>254.732.453.115</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi ngân hàng	79.738.482	105.635.456
- Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	239.904.557	2.037.307.669
- Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	19.961.310	9.656.772
- Khác	5.700	45.403.329
<b>Cộng</b>	<b>339.610.049</b>	<b>2.198.003.226</b>

**6.4 Chi phí tài chính**

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lãi vay	3.812.499.272	2.001.037.224
- Chênh lệch tỷ giá thực hiện	257.559.028	454.573.650
- Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	36.160.489	3.836.114
<b>Cộng</b>	<b>4.106.218.789</b>	<b>2.459.446.988</b>

**6.5 Chi phí bán hàng**

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ BẮC**

Địa chỉ: 216 Bạch Đằng, phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Chủ yếu là chi phí vật liệu bao bì, tiền vận chuyển.

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên bán hàng	1.412.721.325	1.274.832.537
- Chi phí vật liệu, bao bì	4.524.167.741	1.924.291.339
- Chi phí khấu hao	8.192.858	11.688.504
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.997.699.425	4.628.017.724
- Các chi phí khác	6.695.683.810	5.062.695.258
<b>Cộng</b>	<b>17.638.465.159</b>	<b>12.901.525.362</b>

**6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	2.924.704.258	2.838.600.787
- Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	98.564.059	127.743.561
- Khấu hao TSCĐ	597.188.157	747.262.166
- Thuế, phí lệ phí	83.002.546	77.145.540
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.235.487.070	1.198.161.265
- Các chi phí khác	1.732.709.850	2.071.344.187
<b>Cộng</b>	<b>6.671.655.940</b>	<b>7.060.257.506</b>

**6.7 Thu nhập khác**

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Thu thanh lý tài sản	105.454.545	-
- Hoàn nhập dự phòng mất việc làm	173.302.585	-
- Thu nhập khác	166.377.691	166.127.697
<b>Cộng</b>	<b>445.134.821</b>	<b>166.127.697</b>

**6.8 Chi phí khác**

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thanh lý tài sản	20.073.675	-
- Chi phí khác	104.043.930	115.897.442
<b>Cộng</b>	<b>124.117.605</b>	<b>115.897.442</b>

**6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1)	5.835.385.707
-----------------------------------	-----	---------------

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ BẮC**

Địa chỉ: 216 Bạch Đằng, phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để

xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN

Các khoản điều chỉnh tăng:	(2)	665.882.793
Các khoản điều chỉnh giảm:	(3)	(378.435.402)
Tổng thu nhập chịu thuế	(4)=(1)+(2)+(3)	6.122.833.098
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm nay (20%)	(5)=(4)*10%	1.224.566.620
Thuế thu nhập doanh nghiệp giảm (50%) theo giấy phép	(6)=(5)*50%	612.283.310
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm nay	(7)=(5)-(6)	612.283.310
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 30% (*)	(6)=(5)*30%	(183.684.993)

<b>Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>428.598.317</b>
--	--------------------

**6.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế:

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nộp tài sản thuế thu nhập hoãn lại:

26.490.478

Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ:

(53.612.230)

<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:</b>	<b>(27.121.752)</b>
---	---------------------

**6.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận sau Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.433.909.142	17.198.489.112
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.433.909.142	17.198.489.112
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	6.335.603	6.074.290
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)</b>	<b>858</b>	<b>2.831</b>

**6.12 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

Chi tiết gồm:

Năm nay

Năm trước

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ BẮC**

Địa chỉ: 216 Bạch Đằng, phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	208.489.567.818	188.131.314.756
- Chi phí nhân công	11.294.634.199	13.332.500.104
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.656.557.478	7.713.897.802
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.920.415.348	15.782.717.434
- Các chi phí bằng tiền khác	10.679.063.781	8.428.322.040
<b>Cộng</b>	<b>249.040.238.624</b>	<b>233.388.752.136</b>

**7 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Tiền lương và tiền thưởng của Ban Tổng Giám đốc và các thành viên chủ chốt (\*) của Công ty

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
Thu nhập đã phát sinh trong kỳ	1.217.197.844	1.374.578.374

(\*) Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm Soát.

**8 THÔNG TIN KHÁC****8.1 Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền	11.394.957.464	7.738.074.641	11.394.957.464	7.738.074.641
Đầu tư tài chính	642.410.000	642.410.000	642.410.000	642.410.000
Phải thu khách hàng	24.013.019.946	30.204.777.562	24.013.019.946	30.204.777.562
Các khoản phải thu khác	7.791.956.010	7.237.418.917	7.791.956.010	7.237.418.917
<b>Cộng</b>	<b>43.842.343.420</b>	<b>45.822.681.120</b>	<b>43.842.343.420</b>	<b>45.822.681.120</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	47.319.309.019	38.609.209.862	47.319.309.019	38.609.209.862
Phải trả cho người bán	2.248.412.587	6.392.800.217	2.248.412.587	6.392.800.217
Phải trả người lao động	866.677.002	1.044.337.821	866.677.002	1.044.337.821
Chi phí phải trả	4.266.378.674	2.231.988.274	4.266.378.674	2.231.988.274
Các khoản phải trả khác	444.475.143	484.878.820	444.475.143	484.878.820
<b>Cộng</b>	<b>55.145.252.425</b>	<b>48.763.214.994</b>	<b>55.145.252.425</b>	<b>48.763.214.994</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt; tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ BẮC**

Địa chỉ: 216 Bạch Đằng, phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

## 8.2 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các yếu tố của rủi ro tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, giám sát rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

### 8.2.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

#### ▪ Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro ngoại tệ của Công ty là không đáng kể.

#### ▪ Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế của công ty như sau:

### 8.2.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

#### *Phải thu khách hàng*

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ BẮC

Địa chỉ: 216 Bạch Đằng, phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

### Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

### 8.2.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Số cuối năm</b>				
Vay và nợ	47.319.309.019	-	-	47.319.309.019
Phải trả cho người bán	2.248.412.587	-	-	2.248.412.587
Người mua trả tiền trước	2.621.107.096	-	-	2.621.107.096
Phải trả người lao động	866.677.002	-	-	866.677.002
Chi phí phải trả	4.266.378.674	-	-	4.266.378.674
Các khoản phải trả khác	444.475.143	-	-	444.475.143
<b>Cộng</b>	<b>57.766.359.521</b>	-	-	<b>57.766.359.521</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	38.609.209.862	-	-	38.609.209.862
Phải trả cho người bán	6.392.800.217	-	-	6.392.800.217
Người mua trả tiền trước	693.455.679	-	-	693.455.679
Phải trả người lao động	1.044.337.821	-	-	1.044.337.821
Chi phí phải trả	2.231.988.274	-	-	2.231.988.274
Các khoản phải trả khác	484.878.820	-	-	484.878.820
<b>Cộng</b>	<b>49.456.670.673</b>	-	-	<b>49.456.670.673</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ BẮC**

Địa chỉ: 216 Bạch Đằng, phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**8.3 Tài sản đảm bảo**

Tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất diện tích 20.820 m<sup>2</sup> tại Xí nghiệp Rạch Lọt, Tiểu Cần, Trà Vinh. Quyền sử dụng đất diện tích 3.608,6 m<sup>2</sup> tại Xí nghiệp Phú Vinh, Càng Long, Trà Vinh. Quyền sử dụng đất diện tích 8.944,7 m<sup>2</sup> tại Xí nghiệp Phú Vinh, Càng Long, Trà Vinh. Quyền sử dụng đất diện tích 32.609,4 m<sup>2</sup> tại Văn phòng Công ty số 126 Bạch Đằng, Trà Vinh. Văn phòng, nhà xưởng, máy móc thiết bị tại văn phòng công ty, Xí nghiệp Rạch Lọt. (Thuyết minh số 5.13).

Quyền sử dụng đất diện tích 3.542,6 m<sup>2</sup>, thửa đất số 13, tờ bản đồ số 8 tại ấp Long Bình, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Máy cắt kim loại, máy chấn kim loại, máy cuốn kim loại. Hệ thống đường dây trung thế và trạm biến thế 560KVA thuộc dự án đầu tư nhà máy cơ khí tàu thủy Trà Vinh.

(Thuyết minh số 5.13).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Trà Vinh, ngày 29 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

*Ngô Kinh Luân*  
NGÔ KINH LUÂN



Tổng Giám đốc

KHÁC NHU

FROM: Cty Cổ phần Trá Bắc

Số nhà/(No): 216 Đường(Street): Bạch Đằng

Tổ/cụm/xóm(Village): Phường/Xã(Committee): 4

Quận/Huyện(District): Trá Vinh Mã (Code):

Tỉnh/Thành phố(Province): Trá Vinh Mã (Code):

Tel: 034 2240441

284249



To: Tổng Cty Dân trí & Kinh doanh vốn Nhà nước CN phía Nam

Số nhà/(No): 16 Đường(Street): Trường Chinh

Tổ/cụm/xóm(Village): Phường/Xã(Committee): 6

Quận/Huyện(District): Q 3 Mã (Code):

Tỉnh/Thành phố(Province): Hồ Chí Minh Mã (Code):

Tel: Ông Lưu Học Nam

15th VIETTEL post

Mạng lưới rộng hơn, sâu hơn,  
đi xa hơn để gần con người hơn.



Hãy nói theo cách của bạn